

Số: 1.0414/21/TC-AC

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: CHỦ SỞ HỮU VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
NGÂN HÀNG HUA NAN COMMERCIAL BANK, LTD  
- CHI NHÁNH TP. HỒ CHÍ MINH**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính chuyển đổi VND của Ngân hàng Hua Nan Commercial Bank, Ltd - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Ngân hàng”) được lập ngày 18 tháng 3 năm 2021, từ trang 06 đến trang 39, bao gồm Bảng cân đối kế toán chuyển đổi VND tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh chuyển đổi VND, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ chuyển đổi VND cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính chuyển đổi VND.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính chuyển đổi VND của Ngân hàng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính chuyển đổi VND và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính chuyển đổi VND không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính chuyển đổi VND dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính chuyển đổi VND của Ngân hàng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính chuyển đổi VND. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính chuyển đổi VND do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Ngân hàng liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính chuyển đổi VND trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Ngân hàng. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính chuyển đổi VND.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính chuyển đổi VND đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Ngân hàng Hua Nan Commercial Bank, Ltd – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính chuyển đổi VND.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&amp;C



Hồ Văn Tùng - Phó Tổng Giám đốc



Phạm Huỳnh Anh Thư - Kiểm toán viên

**NGÂN HÀNG HUA NAN COMMERCIAL BANK, LTD - CHI NHÁNH TP. HỒ CHÍ MINH**

Địa chỉ: Phòng 1001, Lầu 10, Tháp Royal, 235 Nguyễn Văn Cừ, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHUYÊN ĐỔI VND**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN CHUYÊN ĐỔI VND**

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: triệu VND

A - TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>I. Tiền mặt, vàng bạc, đá quý</b>	<b>V.1</b>	<b>28.996</b>	<b>24.430</b>
<b>II. Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước</b>	<b>V.2</b>	<b>114.112</b>	<b>120.315</b>
<b>III. Tiền, vàng gửi tại các TCTD khác và cho vay các TCTD khác</b>	<b>V.3</b>	<b>3.860.404</b>	<b>3.484.046</b>
1. Tiền, vàng gửi tại các TCTD khác	V.3	3.773.404	3.386.044
2. Cho vay các TCTD khác	V.3	87.000	98.002
3. Dự phòng rủi ro		-	-
<b>IV. Chứng khoán kinh doanh</b>		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh		-	-
2. Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh		-	-
<b>V. Công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác</b>		-	-
<b>VI. Cho vay khách hàng</b>		<b>4.017.857</b>	<b>4.221.595</b>
1. Cho vay khách hàng	V.4	4.052.412	4.254.118
2. Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	V.5	(34.555)	(32.523)
<b>VII. Hoạt động mua nợ</b>		-	-
1. Mua nợ		-	-
2. Dự phòng rủi ro hoạt động mua nợ		-	-
<b>VIII. Chứng khoán đầu tư</b>		-	-
1. Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		-	-
2. Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn		-	-
3. Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư		-	-
<b>IX. Góp vốn, đầu tư dài hạn</b>		-	-
1. Đầu tư vào công ty con		-	-
2. Vốn góp liên doanh		-	-
3. Đầu tư vào công ty liên kết		-	-
4. Đầu tư dài hạn khác		-	-
5. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		-	-
<b>X. Tài sản cố định</b>		<b>1.658</b>	<b>2.282</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	V.6	1.162	1.548
a. Nguyên giá tài sản cố định		13.148	13.121
b. Hao mòn tài sản cố định		(11.986)	(11.573)
2. Tài sản cố định thuê tài chính		-	-
a. Nguyên giá tài sản cố định		-	-
b. Hao mòn tài sản cố định		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	V.7	496	734
a. Nguyên giá tài sản cố định		8.256	8.281
b. Hao mòn tài sản cố định		(7.760)	(7.547)
<b>XI. Bất động sản đầu tư</b>		-	-
a. Nguyên giá bất động sản đầu tư		-	-
b. Hao mòn bất động sản đầu tư		-	-
<b>XII. Tài sản có khác</b>		<b>8.889</b>	<b>16.027</b>
1. Các khoản phải thu	V.8	1.658	3.760
2. Các khoản lãi, phí phải thu	V.9	7.040	11.988
3. Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
4. Tài sản có khác	V.10	191	279
5. Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản có nội bảng khác		-	-
<b>TỔNG TÀI SẢN CÓ</b>		<b>8.031.916</b>	<b>7.868.695</b>

**NGÂN HÀNG HUA NAN COMMERCIAL BANK, LTD - CHI NHÁNH TP. HỒ CHÍ MINH**

Địa chỉ: Phòng 1001, Lầu 10, Tháp Royal, 235 Nguyễn Văn Cừ, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHUYỂN ĐỔI VND**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bảng cân đối kế toán chuyển đổi VND (tiếp theo)**

	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B - NỢ PHẢI TRẢ VÀ NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>			
<b>I. Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước</b>			
-			
<b>II. Tiền gửi và vay các TCTD khác</b>			
	V.11	3.786.174	4.436.828
1. Tiền gửi của các TCTD khác	V.11	2.631.174	3.278.328
2. Vay các TCTD khác	V.11	1.155.000	1.158.500
<b>III. Tiền gửi của khách hàng</b>			
	V.12	2.029.432	1.297.842
<b>IV. Công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác</b>			
-			
<b>V. Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro</b>			
-			
<b>VI. Phát hành giấy tờ có giá</b>			
-			
<b>VII. Các khoản nợ khác</b>			
		12.910	7.924
1. Các khoản lãi, phí phải trả	V.13	998	5.487
2. Thuế TNDN hoãn lại phải trả		-	-
3. Các khoản phải trả và công nợ khác	V.14	11.912	2.437
4. Dự phòng rủi ro khác (dự phòng cho công nợ tiềm ẩn)		-	-
<b>Tổng nợ phải trả</b>		<b>5.828.516</b>	<b>5.742.594</b>
<b>VIII. Vốn và các quỹ</b>			
		2.203.400	2.126.101
1. Vốn của TCTD		1.216.388	1.216.388
a. Vốn điều lệ	V.15	1.216.388	1.216.388
b. Vốn đầu tư XD CB		-	-
c. Thặng dư vốn cổ phần		-	-
d. Cổ phiếu quỹ		-	-
e. Cổ phiếu ưu đãi		-	-
f. Vốn khác		-	-
2. Quỹ của TCTD	V.15	105.834	93.194
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	V.15	281.452	288.419
4. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-
5. Lợi nhuận chưa phân phối/Lỗ lũy kế	V.15	599.726	528.100
<b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>8.031.916</b>	<b>7.868.695</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN CHUYỂN ĐỔI VND**

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Bảo lãnh vay vốn	VIII.4	415.708	296.576
2. Cam kết giao dịch hối đoái		-	-
Cam kết mua ngoại tệ		-	-
Cam kết bán ngoại tệ		-	-
Cam kết giao dịch hoán đổi		-	-
Cam kết giao dịch tương lai		-	-
3. Cam kết cho vay không hủy ngang		-	-
4. Cam kết trong nghiệp vụ L/C	VIII.4	60.161	41.853
5. Bảo lãnh khác	VIII.4	35.352	11.700
6. Các cam kết khác		-	-

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 3 năm 2021

Kế toán trưởng

Trưởng phòng kế toán

Tổng Giám đốc



Au Huệ Hàng



Chen Chin Tang



**NGÂN HÀNG HUA NAN COMMERCIAL BANK, LTD - CHI NHÁNH TP. HỒ CHÍ MINH**

Địa chỉ: Phòng 1001, Lầu 10, Tháp Royal, 235 Nguyễn Văn Cừ, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHUYÊN ĐỔI VND**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHUYÊN ĐỔI VND**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: triệu VND

STT	Chỉ tiêu	Thuyết	Năm nay	Năm trước
1.	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	VI.1	194.044	267.078
2.	Chi phí lãi và các khoản chi phí tương tự	VI.2	54.019	126.285
	<b>I. Thu nhập lãi thuần</b>		<b>140.025</b>	<b>140.793</b>
3.	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	VI.3	11.732	15.514
4.	Chi phí từ hoạt động dịch vụ	VI.3	2.163	2.097
	<b>II. Lãi/lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ</b>	<b>VI.3</b>	<b>9.569</b>	<b>13.417</b>
	<b>III. Lãi/lỗ thuần từ kinh doanh ngoại hối</b>	<b>VI.4</b>	<b>14.746</b>	<b>8.212</b>
	<b>IV. Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh</b>		-	-
	<b>V. Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư</b>		-	-
5.	Thu nhập từ hoạt động khác		2	-
6.	Chi phí từ hoạt động khác		-	-
	<b>VI. Lãi/lỗ thuần từ hoạt động khác</b>		<b>2</b>	-
	<b>VII. Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần</b>		-	-
	<b>VIII. Chi phí hoạt động</b>	<b>VI.5</b>	<b>56.106</b>	<b>51.339</b>
	<b>IX. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng</b>		<b>108.236</b>	<b>111.083</b>
	<b>X. Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng</b>	<b>V.4, 5</b>	<b>2.145</b>	<b>4.784</b>
	<b>XI. Tổng lợi nhuận trước thuế</b>		<b>106.091</b>	<b>106.299</b>
7.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	VIII.2	21.825	21.359
8.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
	<b>XII. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</b>		<b>21.825</b>	<b>21.359</b>
	<b>XIII. Lợi nhuận sau thuế</b>		<b>84.266</b>	<b>84.940</b>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 3 năm 2021

Kế toán trưởng

Trưởng phòng kế toán



Au Huệ Hàng



Chen Chin Tang



Lin Ta Feng